

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”), công ty con và công ty liên doanh (Công ty mẹ, công ty con và công ty liên doanh sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị:

Ông Trần Vĩnh Đức	Chủ tịch
Ông Costa Jean - Luc Francois	Phó Chủ tịch
Ông Mai Hữu Thọ	Thành viên
Ông Lê Song Lai	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Năng	Thành viên
Ông Lê Văn Thành	Thành viên
Ông Prasanna Rajashekhar Patil	Thành viên (bổ nhiệm từ 24/6/2012)
Ông Nguyễn Đình Khang	Thành viên (miễn nhiệm từ 24/6/2012)

Ban Tổng Giám đốc:

Ông Lê Văn Thành	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Xuân Phong	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Năng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Sinh Tiến	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát:

Ông Lê Việt Thành	Trưởng ban
Ông Nguyễn Minh Dũng	Thành viên
Ông Clause Pierre Seigne	Thành viên
Ông Trần Đức Hiệp	Thành viên (bổ nhiệm từ 24/6/2012)
Ông Nguyễn Như Khoa	Thành viên (bổ nhiệm từ 24/6/2012)
Ông Đặng Kỳ Trung	Thành viên (miễn nhiệm từ 24/6/2012)
Ông Lê Anh Sơn	Thành viên (miễn nhiệm từ 24/6/2012)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không.
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Văn Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2012

Số: 0176 /Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh (gọi tắt là "Tổng Công ty"), từ trang 5 đến trang 30. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Ngoại trừ những vấn đề nêu dưới đây, chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Như đã nêu tại thuyết minh số 8 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Bộ Tài chính đã có Công văn số 6845 ngày 26 tháng 5 năm 2011 quyết định về việc thu hồi vốn đầu tư và lợi nhuận từ việc thanh lý khoản đầu tư vào Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Bảo Minh - CMG, một công ty liên doanh vào năm 2007 với tổng số tiền là 213.522.960.000 đồng (tương đương 10.236.000 Đô la Mỹ). Tuy nhiên, số tiền này vẫn đang tiếp tục được theo dõi trên khoản mục các khoản phải thu khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2012.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012, Tổng Công ty đang tiến hành kiểm tra chi tiết công nợ và chưa trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản phải thu khó đòi. Theo đó, chúng tôi không thể soát xét được số dự phòng cần trích lập cho các khoản phải thu khó đòi phát sinh trong kỳ bằng các thủ tục soát xét thông thường.

Như đã nêu tại thuyết minh số 3 và 12 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đã trình bày khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh lần lượt theo phương pháp hợp nhất toàn bộ và theo phương pháp vốn chủ sở hữu dựa trên báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 của công ty con và công ty liên doanh. Chúng tôi không thực hiện soát xét hay kiểm toán báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng chưa được soát xét) của công ty liên doanh nên chúng tôi không thể đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính của công ty liên doanh.

BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có vấn đề đáng lưu ý nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm.



Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm Giám đốc Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0138/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 28 tháng 8 năm 2012
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Huỳnh Vũ Đại Trọng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1204/KTV

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Dạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu B01-DNBH/HN

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.742.795.175.979	2.513.740.908.848
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	303.326.512.384	438.831.019.213
1. Tiền	111		192.126.512.384	173.931.019.213
2. Các khoản tương đương tiền	112		111.200.000.000	264.900.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	1.020.012.783.967	966.902.072.671
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.192.970.996.375	1.094.612.985.645
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(172.958.212.408)	(127.710.912.974)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.397.027.240.260	1.095.102.779.757
1. Phải thu khách hàng	131	6	970.218.254.306	751.159.359.551
2. Trả trước cho người bán	132	7	5.387.048.907	2.562.188.442
3. Các khoản phải thu khác	135	8	459.061.222.517	379.002.976.613
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(37.639.285.470)	(37.621.744.849)
IV. Hàng tồn kho	140		4.351.020.221	3.514.137.420
1. Hàng tồn kho	141		4.351.020.221	3.514.137.420
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		18.077.619.147	9.390.899.787
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.195.894.078	1.382.223.923
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		16.881.725.069	8.008.675.864
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.435.381.590.492	1.557.935.131.294
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		22.868.598.272	31.189.032.887
1. Phải thu dài hạn khác	218		22.868.598.272	31.189.032.887
II. Tài sản cố định	220		468.562.298.718	461.145.729.286
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	95.053.942.697	99.823.759.416
- Nguyên giá	222		211.020.766.085	209.513.586.720
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(115.966.823.388)	(109.689.827.304)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	313.432.725.414	312.350.076.313
- Nguyên giá	228		346.759.652.445	341.038.381.245
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(33.326.927.031)	(28.688.304.932)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	60.075.630.607	48.971.893.557
III. Bất động sản đầu tư	240		6.018.842.500	7.655.042.500
- Nguyên giá	241		6.018.842.500	7.655.042.500
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		824.403.523.708	933.236.255.132
1. Đầu tư vào công ty liên doanh	252	12	223.465.442.179	229.452.802.279
2. Đầu tư dài hạn khác	258	13	609.218.248.195	709.651.619.519
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	13	(8.280.166.666)	(5.868.166.666)
V. Tài sản dài hạn khác	260		113.528.327.294	124.709.071.489
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	101.252.291.146	112.594.653.915
2. Ký quỹ bắt buộc	263		6.000.000.000	6.000.000.000
3. Tài sản dài hạn khác	268		6.276.036.148	6.114.417.574
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.178.176.766.471	4.071.676.040.142

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Dạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu B01-DNBH/HN

Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.850.832.477.125	1.701.376.760.825
I. Nợ ngắn hạn	310		807.962.662.547	731.843.925.326
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	4.999.770.000	-
2. Phải trả người bán	312	16	588.460.713.116	497.862.327.273
3. Người mua trả tiền trước	313	17	46.309.461.666	94.507.656.548
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	25.023.070.520	37.453.526.701
5. Phải trả người lao động	315	19	31.487.479.330	33.980.718.801
6. Chi phí phải trả	316		262.844.316	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	20	83.404.614.757	67.332.076.930
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		662.208.842	707.619.073
9. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính Phủ	327	21	27.352.500.000	-
II. Nợ dài hạn	320		328.039.529	325.039.529
1. Phải trả dài hạn khác	322		256.058.510	253.058.510
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	326		71.981.019	71.981.019
III. Dự phòng nghiệp vụ	330	22	1.042.541.775.049	969.207.795.970
1. Dự phòng phí	331		732.877.871.494	674.364.337.276
2. Dự phòng bồi thường	333		139.558.307.963	126.305.466.773
3. Dự phòng dao động lớn	334		170.105.595.592	168.537.991.921
B. NGUỒN VỐN	400		2.230.076.929.649	2.270.680.057.767
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	2.230.076.929.649	2.270.680.057.767
1. Vốn điều lệ	411		755.000.000.000	755.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.133.484.074.449	1.133.484.074.449
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.592.974.398	1.953.070.906
4. Quỹ dự trữ bắt buộc	422		50.539.812.302	48.913.068.945
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		16.822.528.811	15.039.052.153
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		271.637.539.689	316.290.791.314
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500	24	97.267.359.697	99.619.221.550
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	600		4.178.176.766.471	4.071.676.040.142


Vũ Thị Dung
Người lập

Nguyễn Phú Thủy
Kế toán trưởng

Lê Văn Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 8 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Dạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU B 02a-DNBH/HN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011
Thu phí bảo hiểm gốc	01		1.099.970.933.189	1.156.992.263.501
Thu phí nhận tái bảo hiểm	02		132.993.208.881	99.705.257.312
Các khoản giảm trừ	03		(341.790.281.153)	(312.525.997.401)
<i>Phí nhượng tái bảo hiểm</i>	04		(322.471.183.833)	(308.995.249.821)
<i>Giảm phí bảo hiểm</i>	05		(1.195.453.558)	(112.509.046)
<i>Hoàn phí bảo hiểm</i>	06		(18.123.643.762)	(3.418.238.534)
Tăng dự phòng phí	08		(58.513.534.218)	(170.132.213.542)
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	09		44.091.090.292	45.673.135.058
Thu từ các hoạt động kinh doanh bảo hiểm khác	10		2.103.681.989	693.872.755
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	14		878.855.098.980	820.406.317.683
Chi bồi thường bảo hiểm gốc	15		(523.643.169.672)	(364.228.080.861)
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	16		(47.319.648.304)	(31.384.527.991)
Trừ các khoản khấu trừ	17		145.255.353.573	61.893.301.587
<i>Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</i>	18		142.465.114.738	53.925.598.115
<i>Thu bồi người thứ ba bồi hoàn</i>	19		2.385.169.904	7.846.876.508
<i>Thu hàng đã xử lý bồi thường 100%</i>	20		405.068.931	120.826.964
Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại	21		(425.707.464.403)	(333.719.307.265)
Chi bồi thường từ dự phòng dao động lớn	22		25.000.000.000	10.000.000.000
Tăng dự phòng bồi thường	23		(13.252.841.190)	(17.842.992.305)
Trích dự phòng dao động lớn	24		(26.567.603.671)	(28.325.145.702)
Chi hoa hồng bảo hiểm gốc	27		(105.715.414.792)	(116.847.236.658)
Chi bồi người thứ ba	29		(333.897.000)	(443.296.211)
Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm	31		(429.977.951)	(191.524.215)
Chi đề phòng hạn chế rủi ro, tổn thất	32		(858.604.049)	(3.660.404.076)
Chi khác (giám định, phí đồng bảo hiểm....)	33		(40.353.358.745)	(39.023.602.756)
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	35		(28.712.384.206)	(22.673.749.128)
Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	41		(616.931.546.007)	(552.727.258.316)
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	42		261.923.552.973	267.679.059.367
Chi phí quản lý doanh nghiệp	44		(261.091.146.445)	(264.105.330.634)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	45		832.406.528	3.573.728.733
Doanh thu hoạt động tài chính	46	26	128.997.537.988	177.404.344.904
Chi phí tài chính	47	27	(81.726.551.236)	(87.301.754.943)
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	51		47.270.986.752	90.102.589.961
Thu nhập khác	52		887.289.485	113.235.262
Chi phí khác	53		(155.664.910)	(291.319.369)
Lợi nhuận/(Lỗ) khác	54		731.624.575	(178.084.107)
Phần lợi nhuận thuần trong công ty liên doanh	55		15.691.312.407	15.166.015.912
Lợi nhuận trước thuế	56		64.526.330.262	108.664.250.499
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	60	28	(10.101.801.883)	(10.708.688.218)
Lợi nhuận sau thuế	61		54.424.528.379	97.955.562.281
Phân phối cho: Lợi ích cổ đông thiểu số	62	24	3.973.763.830	3.446.057.404
Lợi ích của cổ đông Tổng Công ty	63		50.450.764.549	94.509.504.877
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	668	1.252

 Vũ Thị Dung
Người lập

 Nguyễn Phú Thủy
Kế toán trưởng

 Lê Văn Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu B03-DNBH/HN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU

Mã số	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011
-------	------------------------------	------------------------------

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Lợi nhuận trước thuế	01	64.526.330.262	108.664.250.499
-------------------------	----	----------------	-----------------

2. Điều chỉnh cho các khoản:

Khấu hao tài sản cố định	02	12.432.364.519	11.729.995.958
--------------------------	----	----------------	----------------

Các khoản dự phòng	03	121.010.819.134	247.121.397.206
--------------------	----	-----------------	-----------------

Lỗ/(Lãi) từ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	2.407.264.910	(12.933.243.856)
---	----	---------------	------------------

Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(130.937.806.388)	(150.650.577.327)
-------------------------	----	-------------------	-------------------

Chi phí lãi vay	06	734.857.384	63.663.194
-----------------	----	-------------	------------

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	70.173.829.821	203.995.485.674
---	----	----------------	-----------------

Tăng các khoản phải thu	09	(343.199.761.338)	(268.151.028.210)
-------------------------	----	-------------------	-------------------

(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(836.882.801)	182.972.433
--------------------------	----	---------------	-------------

Tăng các khoản phải trả	11	49.382.671.709	41.957.752.749
-------------------------	----	----------------	----------------

Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12	12.653.903.402	(3.209.757.822)
-------------------------------	----	----------------	-----------------

Tiền lãi vay đã trả	13	(382.357.384)	(63.663.194)
---------------------	----	---------------	--------------

Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(14.676.035.488)	(7.415.300.384)
-----------------------------------	----	------------------	-----------------

Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	38.498.397.931	49.632.630
---------------------------------------	----	----------------	------------

Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(57.025.334.600)	(4.299.855.889)
--	----	------------------	-----------------

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(245.411.568.748)	(36.953.762.013)
---	----	-------------------	------------------

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(19.337.944.739)	(25.810.864.119)
--	----	------------------	------------------

Tiền thu hồi từ các khoản đầu tư dài hạn và ngắn hạn khác	22	571.847.410	89.813.636
---	----	-------------	------------

Tiền chi cho đầu tư ngắn hạn và dài hạn	23	(920.149.877.000)	(975.088.130.979)
---	----	-------------------	-------------------

Tiền thu hồi từ các khoản đầu tư	24	971.739.771.324	1.005.122.913.018
----------------------------------	----	-----------------	-------------------

Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	136.341.726.552	118.299.131.159
--	----	-----------------	-----------------

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	169.165.523.547	122.612.862.715
---	----	-----------------	-----------------

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	63.253.608.984	16.850.000.000
--------------------------------------	----	----------------	----------------

Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(31.253.838.984)	(14.350.000.000)
-------------------------	----	------------------	------------------

Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(90.600.000.000)	(113.250.000.000)
---------------------------	----	------------------	-------------------

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(58.600.230.000)	(110.750.000.000)
--	----	------------------	-------------------

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(134.846.275.201)	(25.090.899.298)
--------------------------------	----	-------------------	------------------

Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	438.831.019.213	299.668.805.582
---	----	-----------------	-----------------

Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(658.231.628)	12.933.243.856
--	----	---------------	----------------

Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	303.326.512.384	287.511.150.140
--	----	-----------------	-----------------



Vũ Thị Dung
Người lập



Nguyễn Phú Thủy
Kế toán trưởng



Lê Văn Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 8 năm 2012

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DNBH/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tổng Công ty bao gồm Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh (gọi tắt là "Công ty mẹ"), công ty con và công ty liên doanh, cụ thể được trình bày như sau:

Công ty mẹ

Công ty mẹ được thành lập tại Việt Nam, là một công ty cổ phần theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 27GP/KDBH ngày 8 tháng 9 năm 2004 do Bộ Tài chính ban hành, và các giấy phép điều chỉnh. Cổ phiếu của Công ty mẹ đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 28 tháng 11 năm 2006 và chuyển sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 21 tháng 4 năm 2008 với mã số chứng khoán là BMI.

Công ty mẹ có 60 chi nhánh trên cả nước và hoạt động chính của Công ty mẹ là cung cấp các dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ và đầu tư tài chính.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 1.692 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 1.803 người).

Công ty con

Công ty chứng khoán Bảo Minh (gọi tắt là "Công ty con") được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 90/UBCK-GP ngày 21 tháng 04 năm 2008 và giấy phép điều chỉnh số 382/GPĐC – UBCK ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Trụ sở chính của Công ty con đặt tại số 198 Phan Xích Long, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty con có vốn điều lệ là 300 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ sở hữu 70,02% vốn điều lệ tương đương với 70,02% quyền biểu quyết.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty con là: Môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Tổng số nhân viên của Công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 57 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 60 người).

Công ty liên doanh

Công ty Bảo hiểm Liên hiệp (gọi tắt là "Công ty liên doanh") là công ty liên doanh giữa Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh, Công ty Bảo hiểm Sompo Japan (thành lập tại Nhật Bản) và Công ty Bảo hiểm TNHH LIG (thành lập tại Hàn Quốc) được thành lập tại Việt Nam với thời hạn hoạt động là 25 năm theo Giấy phép đầu tư số 2003/GP ngày 1 tháng 11 năm 1997 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và các giấy phép điều chỉnh. Trụ sở chính của Công ty liên doanh đặt tại số 2 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Hoạt động chính của Công ty liên doanh là kinh doanh các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ, thực hiện hoạt động nhận nhượng tái bảo hiểm liên quan đến các nghiệp vụ bảo hiểm Công ty liên doanh được phép kinh doanh, thực hiện các dịch vụ liên quan gồm: giám định, điều tra, tính toán phân bổ tổn thất, đại lý giám định, xét giải quyết bồi thường từ bên thứ ba.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kể từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 hằng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ hoạt động. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, tiền gửi, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, công cụ tài chính niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản dự phòng.

Ghi nhận tiếp theo

Hiện tại, chưa có quy định về ghi nhận tiếp theo công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Dạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của công ty do Công ty mẹ kiểm soát (sau đây gọi tắt là "công ty con") được lập cho đến ngày lập báo cáo tài chính. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư vào công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và công ty con khác là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con trong báo cáo tài chính hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận I

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Báo cáo tài chính hợp nhất**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DNBH/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Số năm**

Nhà cửa	5 - 25
Phương tiện vận tải	6 - 12
Máy móc thiết bị	3 - 7
Thiết bị văn phòng	3 - 7
Tài sản khác	3 - 5

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu toàn bộ rủi ro về sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính và quyền sử dụng đất để xây trụ sở ở các chi nhánh. Phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 8 năm. Theo quy định hiện hành, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian sử dụng của lô đất và quyền sử dụng đất không thời hạn thì không trích khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư thể hiện quyền sử dụng đất không thời hạn do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá và không tiến hành khấu hao. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Theo qui định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư vì Tổng Công ty có ý định nắm giữ lâu dài và không có cơ sở xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại ngày báo cáo tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán niêm yết có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty không lập dự phòng đối với các chứng khoán chưa niêm yết mà không thể thu thập được giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất và các chứng khoán bị hạn chế quyền chuyển nhượng tự do trên thị trường.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, chi phí hoa hồng chờ phân bổ và các chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian Tổng Công ty ghi nhận các lợi ích kinh tế.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu kinh doanh bảo hiểm được ghi nhận khi đơn bảo hiểm có hiệu lực, khi nhận được các bảng thanh toán từ nhà nhận tái bảo hiểm cũng như nhà nhượng tái bảo hiểm.

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thực thu.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán là các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ghi nhận các chi phí bảo hiểm chính

Chi phí bồi thường: Chi phí bồi thường được ghi nhận tại thời điểm các hồ sơ bồi thường được hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Các khoản bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối kỳ thì xem là chưa giải quyết và được bao gồm trong dự phòng bồi thường.

Chi phí hoa hồng: Chi phí hoa hồng được ghi nhận trên cơ sở thực chi khi thực thu phí bảo hiểm hoặc phân bổ theo thời gian hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm.

Hoạt động tái bảo hiểm

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Tổng Công ty giảm thiểu rủi ro thiệt hại từ những hợp đồng bảo hiểm đã ký kết bằng cách tái bảo hiểm ở những mức độ nhất định các rủi ro với các công ty bảo hiểm khác hay các công ty tái bảo hiểm. Lợi ích có thể thu được từ công ty nhận tái bảo hiểm được ước tính thống nhất dựa vào hợp đồng tái bảo hiểm. Tổng Công ty có hai hoạt động tái bảo hiểm như sau:

Nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo hợp đồng tái bảo hiểm cố định và tái bảo hiểm tùy chọn được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi thỏa thuận của hợp đồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

Khoản thu hồi từ nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về việc phát sinh trách nhiệm của bên nhận tái bảo hiểm.

Phí hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận đồng thời khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Dạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DNBH/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Nhận tái bảo hiểm

Doanh thu và chi phí liên quan đến nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi nhận được các bảng thông báo thanh toán của bên nhượng tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi doanh thu tái bảo hiểm được ghi nhận và bên nhận tái bảo hiểm nhận được bảng thông báo tái bảo hiểm.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng phí được tính theo phương pháp tỷ lệ 1/8 (hàng nửa quý) hoặc 1/365 (hàng ngày) dựa trên hệ số của thời hạn hiệu lực hợp đồng bảo hiểm. Phương pháp 1/365 áp dụng cho các loại hình bảo hiểm được ghi nhận và theo dõi trên phần mềm nghiệp vụ bảo hiểm Policy/Asia và phương pháp 1/8

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Báo cáo tài chính hợp nhất**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DNBH/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

được áp dụng cho các loại hình bảo hiểm còn lại. Việc áp dụng cả hai phương pháp này được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 9330/BTC-QLBH ngày 30 tháng 6 năm 2009.

Theo Công văn 15745/BTC-QLBH ngày 18 tháng 11 năm 2011, từ năm tài chính 2011, đối với nghiệp vụ bảo hiểm hàng hóa vận chuyển, áp dụng phương pháp trích lập dự phòng phí theo tỉ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm theo quy định tại Chi tiết a, Điểm 2.4.1, Khoản 2, Mục III, Thông tư 156/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007. Cụ thể, đối với nghiệp vụ bảo hiểm hàng hoá vận chuyển bằng đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường không, dự phòng phí chưa được hưởng được tính bằng 25% của tổng phí bảo hiểm giữ lại thuộc năm tài chính của nghiệp vụ bảo hiểm này.

Dự phòng bồi thường cho tổn thất đã phát sinh nhưng chưa giải quyết được tính theo từng trường hợp cụ thể căn cứ vào số liệu thực tế ước tính các tổn thất phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm bao gồm cả các nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm đã khiếu nại trong năm tài chính.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 19 - Hợp đồng bảo hiểm thì các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm không tồn tại tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, hiện tại chưa có các hướng dẫn chính thức của Bộ Tài chính liên quan đến chuẩn mực này nên dự phòng dao động lớn được tiếp tục trích lập theo quy định tại Thông tư số 156/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Trong kỳ, Tổng Công ty trích lập dự phòng dao động lớn theo tỷ lệ là 3% phí bảo hiểm giữ lại (năm 2011: 3%) và được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí bảo hiểm giữ lại trong năm tài chính.

Các khoản dự phòng khác

Các khoản dự phòng khác được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Quỹ dự trữ bắt buộc và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ 5% và tiếp tục được trích lập tới khi bằng 10% vốn điều lệ của Tổng Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập vào cuối năm tài chính.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ 5% và tiếp tục được trích lập tới khi bằng 10% vốn điều lệ theo Điều lệ Tổng Công ty.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Tiền mặt	14.100.161.255	14.663.866.878
Tiền gửi ngân hàng	178.026.351.129	159.267.152.335
Các khoản tương đương tiền	111.200.000.000	264.900.000.000
	303.326.512.384	438.831.019.213

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn ít hơn 3 tháng ở ngân hàng với lãi suất từ 10,5% đến 13,5%/năm.

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Báo cáo tài chính hợp nhất**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DNBH/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Cổ phiếu niêm yết VNĐ	Cổ phiếu chưa niêm yết VNĐ	Trái phiếu VNĐ	Khác VNĐ	Tổng VNĐ
GIÁ TRỊ KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN					
Tại ngày 1/1/2012	36.959.945.096	4.160.134.398	20.000.000.000	1.033.492.906.151	1.094.612.985.645
Tăng	21.314.145.128	-	2.400.000.000	926.000.000.000	949.714.145.128
Giảm	(4.056.000.000)	(134.398)	(20.000.000.000)	(827.300.000.000)	(851.356.134.398)
Tại ngày 30/06/2012	<u>54.218.090.224</u>	<u>4.160.000.000</u>	<u>2.400.000.000</u>	<u>1.132.192.906.151</u>	<u>1.192.970.996.375</u>
DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN					
Tại ngày 1/1/2012	(15.862.657.100)	-	-	(111.848.255.874)	(127.710.912.974)
Tăng dự phòng	(7.473.910.450)	-	-	(37.773.388.984)	(45.247.299.434)
Tại ngày 30/06/2012	<u>(23.336.567.550)</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>(149.621.644.858)</u>	<u>(172.958.212.408)</u>
GIÁ TRỊ THUẬN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN					
Tại ngày 30/06/2012	<u>30.881.522.674</u>	<u>4.160.000.000</u>	<u>2.400.000.000</u>	<u>982.571.261.293</u>	<u>1.020.012.783.967</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>21.097.287.996</u>	<u>4.160.134.398</u>	<u>20.000.000.000</u>	<u>921.644.650.277</u>	<u>966.902.072.671</u>

Các khoản đầu tư ngắn hạn khác là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm với lãi suất từ 9,3% tới 14%/năm.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/6/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Phải thu bảo hiểm gốc	590.463.113.878	431.396.113.718
Phải thu nhận tái bảo hiểm	61.874.118.133	32.851.752.206
Phải thu nhượng tái bảo hiểm	317.571.022.295	286.557.493.627
Phải thu khách hàng khác	310.000.000	354.000.000
	<u>970.218.254.306</u>	<u>751.159.359.551</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/6/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Tạm ứng bồi thường	5.115.011.307	2.513.438.442
Trả trước cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm	272.037.600	48.750.000
	<u>5.387.048.907</u>	<u>2.562.188.442</u>

Tạm ứng bồi thường thể hiện số dư của các khoản tạm ứng bồi thường cho người được bảo hiểm và công ty môi giới bảo hiểm tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Dạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Báo cáo tài chính hợp nhất**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DNBH/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Phải thu về hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn	178.582.667.414	111.877.370.606
Phải thu khác của khách hàng	2.628.706.037	1.678.154.913
Phải thu phí đồng bảo hiểm	4.189.357.425	10.566.825.324
Khoản phải thu từ Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (i)	213.522.960.000	210.349.800.000
Phải thu từ nhân viên	7.986.083.639	8.755.296.271
Phải thu khác	52.151.448.002	35.775.529.499
	459.061.222.517	379.002.976.613

- (i) Khoản phải thu từ Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước ("SCIC") thể hiện số tiền gốc và thặng dư từ việc thanh lý khoản đầu tư vào Công ty bảo hiểm nhân thọ Bảo Minh - CMG vào năm 2007 và đã tạm chuyển về SCIC để chờ ý kiến xử lý của Bộ Tài chính. Trong năm 2011, Bộ Tài chính, chủ sở hữu trước đây của Tổng Công ty, đã có công văn số 6845 ngày 26 tháng 5 năm 2011 quyết định về việc thu hồi số tiền này về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương; tuy nhiên, khoản tiền này vẫn được Tổng Công ty tạm thời tiếp tục theo dõi trên tài khoản phải thu khác.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa <u>VNĐ</u>	Phương tiện vận tải <u>VNĐ</u>	Máy móc, thiết bị <u>VNĐ</u>	Thiết bị văn phòng <u>VNĐ</u>	Tài sản khác <u>VNĐ</u>	Tổng <u>VNĐ</u>
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 1/1/2012	120.166.361.457	45.093.623.303	1.761.208.777	38.231.860.752	4.260.532.431	209.513.586.720
Tăng trong kỳ	78.979.090	2.609.835.454	15.362.000	196.229.036	11.520.000	2.911.925.580
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	112.000.121	-	112.000.121
Thanh lý	-	(1.315.761.563)	-	(200.984.773)	-	(1.516.746.336)
Tại ngày 30/6/2012	120.245.340.547	46.387.697.194	1.776.570.777	38.339.105.136	4.272.052.431	211.020.766.085
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 1/1/2012	40.559.939.574	34.767.365.234	805.660.013	30.175.522.377	3.381.340.106	109.689.827.304
Khấu hao trong kỳ	3.485.441.249	2.068.322.778	119.725.453	1.889.575.845	230.677.095	7.793.742.420
Giảm do thanh lý	-	(1.315.761.563)	-	(200.984.773)	-	(1.516.746.336)
Tại ngày 30/6/2012	44.045.380.823	35.519.926.449	925.385.466	31.864.113.449	3.612.017.201	115.966.823.388
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2012	76.199.959.724	10.867.770.745	851.185.311	6.474.991.687	660.035.230	95.053.942.697
Tại ngày 31/12/2011	79.606.421.883	10.326.258.069	955.548.764	8.056.338.375	879.192.325	99.823.759.416

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm nhà cửa, phương tiện vận tải, máy móc thiết bị, dụng cụ văn phòng và các tài sản khác đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 57.326.612.964 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 55.586.649.379 đồng).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Dạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Báo cáo tài chính hợp nhất**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DNBH/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2012	269.509.834.423	71.528.546.822	341.038.381.245
Tăng trong kỳ	1.636.200.000	1.009.440.000	2.645.640.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	3.075.631.200	-	3.075.631.200
Tại ngày 30/6/2012	274.221.665.623	72.537.986.822	346.759.652.445
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2012	637.191.449	28.051.113.483	28.688.304.932
Khấu hao trong kỳ	144.785.711	4.493.836.388	4.638.622.099
Tại ngày 30/6/2012	781.977.160	32.544.949.871	33.326.927.031
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2012	273.439.688.463	39.993.036.951	313.432.725.414
Tại ngày 31/12/2011	268.872.642.974	43.477.433.339	312.350.076.313

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 12.806.442.608 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 12.091.779.376 đồng).

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	48.971.893.557	47.939.232.682
Tăng	15.416.579.159	55.726.997.063
Kết chuyển sang tài sản cố định	(3.187.631.321)	(38.585.286.274)
Giảm khác	(1.125.210.788)	(16.109.049.914)
Tại ngày 30 tháng 6/ ngày 31 tháng 12	60.075.630.607	48.971.893.557

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là giá trị các công trình xây dựng trụ sở của các chi nhánh Bảo Minh ở các tỉnh.

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH

Công ty Bảo hiểm Liên hiệp - UIC (gọi tắt là "Công ty liên doanh") có vốn điều lệ là 300.000.000.000 đồng. Công ty mẹ nắm giữ 48,45% vốn điều lệ và quyền biểu quyết tại Công ty liên doanh. Cổ tức nhận được từ công ty liên doanh trong kỳ là 21.802.500.000 đồng.

	30/6/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Giá gốc của khoản đầu tư vào công ty liên doanh	152.781.309.450	152.781.309.450
Phần lợi nhuận thuần của Tổng Công ty trong liên doanh	70.684.132.729	76.671.492.829
	223.465.442.179	229.452.802.279

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DNBH/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC VÀ DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	Cổ phiếu VNĐ	Trái phiếu VNĐ	Khác VNĐ	Tổng VNĐ
GIÁ TRỊ KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC				
Tại ngày 1/1/2012	317.769.448.195	343.024.611.324	48.857.560.000	709.651.619.519
Tăng	-	-	23.000.000.000	23.000.000.000
Giảm	-	(113.075.811.324)	(10.357.560.000)	(123.433.371.324)
Tại ngày 30/6/2012	<u>317.769.448.195</u>	<u>229.948.800.000</u>	<u>61.500.000.000</u>	<u>609.218.248.195</u>
DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ DÀI HẠN				
Tại ngày 1/1/2012	(3.110.000.000)	(2.758.166.666)	-	(5.868.166.666)
Tăng	-	(2.412.000.000)	-	(2.412.000.000)
Tại ngày 30/6/2012	<u>(3.110.000.000)</u>	<u>(5.170.166.666)</u>	<u>-</u>	<u>(8.280.166.666)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN ĐẦU TƯ DÀI HẠN				
Tại ngày 30/6/2012	<u>314.659.448.195</u>	<u>224.778.633.334</u>	<u>61.500.000.000</u>	<u>600.938.081.529</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>314.659.448.195</u>	<u>340.266.444.658</u>	<u>48.857.560.000</u>	<u>703.783.452.853</u>

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản tiền gửi và khoản đầu tư ủy thác có kỳ hạn từ trên 1 năm.

Chi tiết danh mục đầu tư cổ phiếu và trái phiếu tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	30/6/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Khách sạn Hạ Long	6.000.000.000	6.000.000.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Bưu Điện	48.020.000.000	48.020.000.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn Kim Liên	7.618.100.000	7.618.100.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên	779.200.000	779.200.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận tải Long An	100.000.000	100.000.000
Cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc Gia Việt Nam	43.218.000.000	43.218.000.000
Cổ phiếu Công ty Địa Ốc 9	514.000.000	514.000.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức	1.277.992.000	1.277.992.000
Cổ phiếu Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Bảo Việt	40.080.953.060	40.080.953.060
Cổ phiếu Quỹ Đầu tư tăng trưởng Việt Nam - VF2	22.950.000.000	22.950.000.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần TM & DV Dầu khí Vũng Tàu	211.203.135	211.203.135
Cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Rượu bia nước giải khát Sài Gòn	7.000.000.000	7.000.000.000
Cổ phiếu Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	80.000.000.000	80.000.000.000
Cổ phiếu Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam	60.000.000.000	60.000.000.000
	<u>317.769.448.195</u>	<u>317.769.448.195</u>
Trái phiếu Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu Khí	-	50.000.000.000
Trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long	20.000.000.000	20.000.000.000
Trái phiếu Tập đoàn Điện lực Việt Nam	110.000.000.000	110.000.000.000
Trái phiếu Tập đoàn Công nghiệp Tàu Thủy (Vinashin)	-	67.000.000.000
Trái phiếu Chính phủ	80.000.000.000	60.026.211.324
Trái phiếu ASP Công ty CP DK Anpha	6.000.000.000	6.000.000.000
Trái phiếu chuyển đổi Công ty Cơ điện và XD VN	-	2.400.000.000
Trái phiếu Ngân hàng Phát triển Việt Nam	26.948.800.000	27.598.400.000
	<u>229.948.800.000</u>	<u>343.024.611.324</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Báo cáo tài chính hợp nhất**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DNBH/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/6/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.399.191.182	2.437.030.384
Chi phí hoa hồng chờ phân bổ	40.098.673.419	55.441.702.224
Chi phí trả trước dài hạn khác	58.754.426.545	54.715.921.307
	101.252.291.146	112.594.653.915

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, số tiền 4.999.770.000 đồng thể hiện khoản vay ngắn hạn có đảm bảo của công ty con tại một tổ chức tín dụng trong nước với tổng hạn mức 40.000.000.000 đồng. Khoản vay này chịu lãi suất 15,5% một năm và được đảm bảo bằng tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty con tại ngân hàng với tổng số tiền là 41.500.000.000 đồng tại ngày 30 tháng 6 năm 2012.

Công ty con cũng có một hạn mức tín dụng ngắn hạn từ một tổ chức tín dụng khác trong nước với số tiền 44.500.000.000 đồng. Hạn mức tín dụng này được đảm bảo bằng tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của công ty con tại ngân hàng với tổng số tiền 44.500.000.000 đồng tại ngày 30 tháng 6 năm 2012.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/6/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Phải trả bồi thường bảo hiểm gốc và hoàn phí gốc	149.694.934.478	167.856.943.756
Phải trả bồi thường tái bảo hiểm	39.754.987.684	37.133.321.143
Phải trả về nhượng phí tái bảo hiểm	399.002.045.200	292.629.499.429
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	8.745.754	242.562.945
	588.460.713.116	497.862.327.273

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/6/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Doanh thu chưa thực hiện	10.425.074.166	74.264.454.808
Thu tiền ứng trước từ khách hàng	35.819.387.500	20.198.201.740
Trả tiền trước hoạt động kinh doanh chứng khoán	65.000.000	45.000.000
	46.309.461.666	94.507.656.548

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	16.318.497.898	14.204.867.762
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.521.102.195	13.095.335.800
Thuế thu nhập cá nhân	217.087.545	1.810.171.761
Phải nộp nhà nước khác	(33.617.118)	8.343.151.378
	25.023.070.520	37.453.526.701

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Báo cáo tài chính hợp nhất**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DNBH/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***19. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, phải trả người lao động chủ yếu thể hiện khoản chênh lệch giữa quỹ lương trích vào chi phí trong kỳ và số lương, thưởng thực tế chi trả cho cán bộ công nhân viên trong kỳ.

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải trả khác có theo dõi mã khách hàng	4.573.418.354	11.397.410.255
Phải trả khác không theo dõi mã khách hàng	25.451.295.468	28.659.751.116
Phải trả phí đồng bảo hiểm	21.589.919.550	20.971.130.426
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	14.721.518.000	3.114.417.000
Phải trả khác cho khách hàng	4.030.194.337	802.597.112
Phải trả khác	13.038.269.048	2.386.771.021
	83.404.614.757	67.332.076.930

21. GIAO DỊCH MUA BÁN LẠI TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ

Tháng 5 năm 2012, công ty con ký hợp đồng bán và mua lại ("repo") trái phiếu chính phủ bảo lãnh phát hành với một tổ chức tín dụng trong nước. Những trái phiếu được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại không phải ghi giảm các khoản đầu tư trên bảng cân đối kế toán. Khoản tiền nhận được khi bán trái phiếu theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản công nợ trên bảng cân đối kế toán. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua lại được ghi nhận như chi phí chờ phân bổ và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng theo phương pháp đường thẳng.

22. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

	Dự phòng phí VND	Dự phòng bồi thường VND	Dự phòng dao động lớn VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1/1/2011	642.325.349.977	168.180.397.171	168.181.243.011	978.686.990.159
Số trích lập/(hoàn nhập) trong năm	32.038.987.299	(41.874.930.398)	49.356.748.910	39.520.805.811
Số sử dụng trong năm	-	-	(49.000.000.000)	(49.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2011	674.364.337.276	126.305.466.773	168.537.991.921	969.207.795.970
Số trích lập trong kỳ	58.513.534.218	13.252.841.190	26.567.603.671	98.333.979.079
Số sử dụng trong kỳ	-	-	(25.000.000.000)	(25.000.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2012	732.877.871.494	139.558.307.963	170.105.595.592	1.042.541.775.049

Trong kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012, Tổng Công ty đã sử dụng 25.000.000.000 đồng từ quỹ dự phòng dao động lớn để chi bồi thường gốc và bồi thường nhận tái bảo hiểm trong kỳ (năm 2011: 49.000.0000.000 đồng).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Dạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Theo giấy phép thành lập và hoạt động, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 755.000.000.000 đồng

Mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Tổng Công ty như sau:

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Số lượng cổ phần được phép phát hành	75.500.000	75.500.000
Số lượng cổ phần đã phát hành và góp vốn đủ	75.500.000	75.500.000
Mệnh giá (VNĐ)	<u>10.000</u>	<u>10.000</u>

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃ SỐ B 09-DNBH/HN

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Quỹ dự trữ bất buộc VNĐ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại ngày 1/1/2011	755.000.000.000	1.133.484.074.449	43.381.188.412	10.713.022.890	324.208.660.081	2.268.141.386.309
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	140.810.183.614	140.810.183.614
Chia cổ tức năm 2010	-	-	-	-	(113.250.000.000)	(113.250.000.000)
Phân phối quỹ từ lợi nhuận sau thuế	-	-	6.317.429.196	5.111.577.926	(12.027.637.551)	-
Điều chỉnh do chênh lệch tỷ giá	-	-	(785.548.663)	(785.548.663)	6.204.931.976	4.633.834.650
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(13.686.958.053)	(13.686.958.053)
Nộp bổ sung thuế 2010	-	-	-	-	(13.224.115.039)	(13.224.115.039)
Chi khác	-	-	-	-	(1.256.460.034)	(1.256.460.034)
Giảm khác	-	-	-	-	(1.487.813.680)	(1.487.813.680)
Số dư tại ngày 31/12/2011	755.000.000.000	1.133.484.074.449	48.913.068.945	15.039.052.153	316.290.791.314	2.270.680.057.767
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	50.450.764.549	50.450.764.549
Chia cổ tức năm 2011	-	-	-	-	(90.600.000.000)	(90.600.000.000)
Phân phối quỹ từ lợi nhuận sau thuế	-	-	798.744.439	989.588.333	(2.428.236.264)	0
Điều chỉnh do chênh lệch tỷ giá	-	-	827.998.918	827.998.918	(1.655.997.836)	0
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(455.668.992)	(455.668.992)
Sử dụng quỹ	-	-	-	(34.110.593)	-	(34.110.593)
Chi khác	-	-	-	-	(87.804.574)	(87.804.574)
Tăng khác	-	-	-	-	123.691.492	123.691.492
Số dư tại ngày 30/6/2012	755.000.000.000	1.133.484.074.449	50.539.812.302	16.822.528.811	271.637.539.689	2.230.076.929.649

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 1/2012/BM/ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2012, các cổ đông của Tổng Công ty đồng ý chia cổ tức năm 2011 với số tiền là 90.600.000.000 đồng (12%/vốn điều lệ) từ lợi nhuận chưa phân phối của Tổng Công ty.

Các khoản điều chỉnh của quỹ dự trữ bất buộc, quỹ khác thuộc vốn sở hữu và chi khác từ lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ là các khoản điều chỉnh phân phối lợi nhuận năm 2011 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nêu trên.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Dạm, Quận I

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Vốn điều lệ đã được các cổ đông góp tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Theo giấy chứng nhận doanh nghiệp		Vốn đã góp	
	VND	%	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Tổng Công ty Đầu tư & KD vốn Nhà nước	382.788.000.000	50,70	382.788.000.000	382.788.000.000
AXA .SA - Pháp	125.700.000.000	16,65	125.700.000.000	125.700.000.000
Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam	42.532.000.000	5,63	42.532.000.000	42.532.000.000
Tổng Công ty Sông Đà	24.304.000.000	3,22	24.304.000.000	24.304.000.000
Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam	19.784.800.000	2,62	19.784.800.000	19.784.800.000
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	12.152.000.000	1,61	12.152.000.000	12.152.000.000
Tổng Công ty Hóa Chất VN	12.152.000.000	1,61	12.152.000.000	12.152.000.000
Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	12.152.000.000	1,61	12.152.000.000	12.152.000.000
Tổng Công ty Cổ phần XNK Xây dựng Việt Nam	12.152.000.000	1,61	12.152.000.000	12.152.000.000
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	6.076.000.000	0,80	6.076.000.000	6.076.000.000
Tổng Công ty Vật tư Nông Nghiệp	6.076.000.000	0,80	6.076.000.000	6.076.000.000
Tổng Công ty Thành An	4.340.000.000	0,57	4.340.000.000	4.340.000.000
CBNV Bảo Minh và Cổ đông bên ngoài	94.791.200.000	12,57	94.791.200.000	94.791.200.000
	755.000.000.000	100	755.000.000.000	755.000.000.000

24. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 được xác định là 29,98% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 29,98%). Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng tài sản thuần tại Công ty con như sau:

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Tổng tài sản	390.133.394.603	341.698.633.145
Tổng nợ phải trả	65.699.239.512	9.419.708.695
Tài sản thuần	324.434.155.091	332.278.924.450
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn điều lệ	300.000.000.000	300.000.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	3.703.191.086	2.789.304.350
Quỹ dự phòng tài chính	3.703.191.086	2.789.304.350
Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	653.569.641	202.878.057
Lợi nhuận chưa phân phối	16.374.203.278	26.497.437.693
Lợi ích của cổ đông thiểu số		
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn điều lệ	89.942.000.000	89.942.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	1.110.216.688	836.233.444
Quỹ dự phòng tài chính	1.110.216.688	836.233.444
Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	195.940.178	60.822.842
Lợi nhuận chưa phân phối	4.908.986.143	7.943.931.820
	97.267.359.697	99.619.221.550

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 và 2011:

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Lợi nhuận trong kỳ	13.254.715.910	11.517.571.538
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh	3.973.763.830	3.446.057.404

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Dạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***25. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 – “Báo cáo bộ phận”, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 nằm trong phạm vi điều chỉnh và cần xem xét trình bày thông tin báo cáo tài chính bộ phận; tuy nhiên Tổng Công ty đã xem xét đánh giá và quyết định không lập và trình bày những thông tin này trong báo cáo hợp nhất do hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là kinh doanh bảo hiểm và đầu tư từ nguồn vốn của hoạt động bảo hiểm. Kết quả hoạt động đầu tư được trình bày trong phần doanh thu và chi phí hoạt động tài chính của Tổng Công ty như trình bày ở Thuyết minh số 26 và số 27 phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Về mặt địa lý, Bảo Minh chỉ cung cấp dịch vụ bảo hiểm trong lãnh thổ Việt Nam.

Với các lý do nêu trên Tổng Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 – “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Tổng Công ty.

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VNĐ	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	91.086.734.250	84.851.841.937
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	13.890.980.138	16.406.716.195
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.542.927.470	22.966.827.559
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.156.463.688	28.364.510.298
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.069.536.425	9.984.609.572
Doanh thu hoạt động mua bán chứng khoán	286.210.030	13.171.860.921
Doanh thu hoạt động tài chính khác	8.964.685.987	1.657.978.422
	128.997.537.988	177.404.344.904

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VNĐ	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ
Lãi tiền vay	734.857.384	201.922.409
Chi phí quản lý phòng đầu tư	22.571.483.827	19.964.247.732
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.563.728.598	15.431.266.442
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.537.346.957	6.799.133.251
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	47.659.299.434	40.933.103.814
Chi phí hoạt động mua bán chứng khoán	634.701.750	3.747.033.846
Chi phí tài chính khác	1.025.133.286	225.047.449
	81.726.551.236	87.301.754.943

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Báo cáo tài chính hợp nhất**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DNBH/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VNĐ	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	64.526.330.262	108.664.250.499
Cộng: Các khoản điều chỉnh báo cáo hợp nhất	-	4.097.247.148
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	-	113.852.140
Trừ: Thu nhập cố tức không chịu thuế	(24.119.122.734)	(42.571.715.618)
Thu nhập chịu thuế	40.407.207.528	70.303.634.169
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.101.801.883	10.708.688.218

Tổng Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VNĐ	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ
Lợi nhuận trong kỳ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty	50.450.764.549	94.509.504.877
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	50.450.764.549	94.509.504.877
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	75.500.000	75.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	668	1.252

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VNĐ	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	3.721.414.588	13.237.662.186

Tại ngày kết thúc kỳ/niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Trong vòng một năm	7.756.307.618	7.594.869.689
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	16.208.429.327	18.940.704.176
Sau năm năm	67.226.250	69.467.125
	24.031.963.195	26.605.040.990

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Dạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Báo cáo tài chính hợp nhất**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÀU SỐ B 09-DNBH/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Các khoản thuê hoạt động thể hiện tiền thuê đất, văn phòng và đường truyền internet với tiền thuê hàng tháng từ 500.000 đồng đến 292.585.541 đồng với thời hạn từ 1 năm tới 30 năm.

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông, bao gồm vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, quỹ dự trữ bắt buộc, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu và lợi nhuận chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	303.326.512.384	438.831.019.213
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.020.012.783.967	966.902.072.671
Phải thu khách hàng	932.578.968.836	713.537.614.702
Phải thu khác	459.061.222.517	379.002.976.613
Ký quỹ ngắn hạn	489.601.198	360.217.898
Phải thu dài hạn khác	22.868.598.272	31.189.032.887
Ký quỹ bắt buộc	6.000.000.000	6.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	600.938.081.529	703.783.452.853
Ký quỹ dài hạn	5.408.399.649	5.405.437.281
Công nợ tài chính		
Vay ngắn hạn	4.999.770.000	-
Phải trả người bán	588.460.713.116	497.862.327.273
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	72.771.314.215	65.480.527.076
Dự phòng nghiệp vụ	1.042.541.775.04	969.207.795.970
Giao dịch mua bán trái phiếu Chính Phủ	27.352.500.000	-
Phải trả dài hạn khác	256.058.510	253.058.510

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá công cụ vốn), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro bảo hiểm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.***Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá công cụ vốn. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá: Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ/năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ	30/6/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Đô la Mỹ (USD)	455.102.343.013	412.046.998.056	828.660.072.273	722.801.138.695
Đồng EURO (EUR)	7.498.475.437	6.767.889.664	4.378.260.849	2.959.253.441
Bảng Anh (GBP)	7.627.077.288	2.401.191.232	11.927.202.048	7.427.188.218
Yên Nhật (JPY)	1.539.540.459	809.623.611	2.329.789.439	1.791.145.216
Đồng Singapore (SGD)	2.416.818.184	2.013.844.472	39.103.574	39.832.033
Won Hàn Quốc (KRW)	56.111.611	56.111.611	-	-
Đồng Franc Thụy Sĩ (CHF)	37.265.087	1.790.419.217	-	-
Đô la Úc (AUD)	-	-	36.369.981	-

Quản lý rủi ro lãi suất: Tổng số tài sản tài chính nhận lãi suất của Tổng Công ty được trình bày tại Thuyết minh số 4, số 5 và số 15. Chính sách của Tổng Công ty là duy trì nguồn tiền, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn với mức lãi suất cố định.

Rủi ro về giá

Các cổ phiếu và trái phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty áp dụng chính sách chỉ được giao dịch với các đối tác có khả năng tín dụng tốt xem như là cách thức giảm thiểu rủi ro tổn thất tài chính cho Tổng Công ty.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Dạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Báo cáo tài chính hợp nhất**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DNBH/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1- 5 năm VNĐ	Tổng VNĐ
30/6/2012			
Vay ngắn hạn	4.999.770.000	-	4.999.770.000
Phải trả người bán	588.460.713.116	-	588.460.713.116
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	72.771.314.215	-	72.771.314.215
Dự phòng nghiệp vụ	872.436.179.457	170.105.595.592	1.042.541.775.049
Giao dịch mua bán trái phiếu			
Chính phủ	27.352.500.000	-	27.352.500.000
Phải trả dài hạn khác	-	256.058.510	256.058.510
31/12/2011			
Phải trả người bán	497.862.327.273	-	497.862.327.273
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	65.480.527.076	-	65.480.527.076
Dự phòng nghiệp vụ	800.669.804.049	168.537.991.921	969.207.795.970
Phải trả dài hạn khác	-	253.058.510	253.058.510

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1- 5 năm VNĐ	Tổng VNĐ
30/6/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	303.326.512.384	-	303.326.512.384
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.020.012.783.967	-	1.020.012.783.967
Phải thu khách hàng	932.578.968.836	-	932.578.968.836
Phải thu khác	459.061.222.517	-	459.061.222.517
Ký quỹ ngắn hạn	489.601.198	-	489.601.198
Phải thu dài hạn khác	-	22.868.598.272	22.868.598.272
Ký quỹ bất buộc	-	6.000.000.000	6.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	600.938.081.529	600.938.081.529
Ký quỹ dài hạn	-	5.408.399.649	5.408.399.649
31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	438.831.019.213	-	438.831.019.213
Đầu tư tài chính ngắn hạn	966.902.072.671	-	966.902.072.671
Phải thu khách hàng	713.537.614.702	-	713.537.614.702
Phải thu khác	379.002.976.613	-	379.002.976.613
Ký quỹ ngắn hạn	360.217.898	-	360.217.898
Phải thu dài hạn khác	-	31.189.032.887	31.189.032.887
Ký quỹ bất buộc	-	6.000.000.000	6.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	703.783.452.853	703.783.452.853
Ký quỹ dài hạn	-	5.405.437.281	5.405.437.281

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Dạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Báo cáo tài chính hợp nhất**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DNBH/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Rủi ro bảo hiểm**

Rủi ro của bất kỳ hợp đồng bảo hiểm nào là khả năng xảy ra sự kiện bảo hiểm và tính không chắc chắn của số tiền bồi thường bảo hiểm theo hợp đồng. Bản chất của hợp đồng bảo hiểm là rủi ro xảy ra sự kiện bảo hiểm ngẫu nhiên và do đó không thể dự đoán trước được.

Mức độ thường xuyên và tính chất nghiêm trọng của bồi thường bảo hiểm bị tác động bởi nhiều yếu tố. Yếu tố đáng lưu ý nhất là mức độ gia tăng số trường hợp tranh chấp liên quan đến tòa án vẫn chưa được giải quyết hoặc xử lý chậm trong thời gian dài. Lạm phát ước tính cũng là nhân tố đáng kể do giải quyết những trường hợp này thường kéo dài qua nhiều năm.

Tổng Công ty quản lý những rủi ro này thông qua chiến lược cung cấp bảo hiểm, xây dựng tỉ lệ phí giữ lại hợp lý cho từng sản phẩm bảo hiểm và sắp xếp tái bảo hiểm hợp lý và chủ động giải quyết bồi thường.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	3.831.264.237	3.430.747.862

33. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Theo Công văn số 15861/BTC-TCT ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính thì đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm ra nước ngoài phải chịu thuế nhà thầu theo quy định tại Thông tư 05/2005/TT-BTC ngày 11 tháng 1 năm 2005 với tỷ lệ 2% trên số phí tái bảo hiểm ra nước ngoài. Theo đó một khoản thuế nhà thầu với giá trị ước tính khoảng 25 tỷ đồng tính trên số phí tái bảo hiểm ra nước ngoài của Tổng Công ty từ năm 2005 đến hết năm 2008 chưa được Tổng Công ty ghi nhận. Theo Công văn 8667/BTC-TCT ngày 6 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính, thì các hợp đồng tái bảo hiểm ký với doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài là những nước đã ký kết hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam thì được miễn thuế nhà thầu phát sinh trong các năm từ 2005 đến 2008. Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Công ty đã tính toán và nộp phần thuế không được miễn đồng thời đang tiến hành thực hiện các thủ tục miễn thuế theo Công văn nêu trên.



Vũ Thị Dung
Người lập



Nguyễn Phú Thủy
Kế toán trưởng




Lê Văn Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 8 năm 2012